

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số:/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 31/5/2023

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Hà Giang.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Hoàng Văn Thành và bà Nguyễn Thị Phú.

Thư ký phiên tòa: bà Hoàng Thị Kim Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: bà Hà Thị Hải - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 31/5/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/4/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15/5/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1988 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: thôn H, xã Ch, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1984 (vắng mặt);

Địa chỉ: thôn H, xã Ch, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Hiện anh Đ đang lao động tại nước ngoài, không rõ địa chỉ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1953 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: thôn H, xã Ch, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn - chị Nguyễn Thị V trình bày: chị và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn năm 2006 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã Ch, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi hết hôn vợ chồng chị chung sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra cãi vã không thể hòa hợp được. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng chị không hợp nhau, không có cùng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày cũng như trong làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Năm 2020, anh Đ đi lao động tại nước ngoài, vợ chồng liên lạc với nhau thưa dần và sau đó không còn liên lạc với nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc,

chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Về con chung: vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Việt Ng, sinh ngày 13/4/2007 và Nguyễn Tuấn V, sinh ngày 15/3/2010. Hiện cháu Ng và cháu V đang sống cùng với bà nội là bà Nguyễn Thị V. Chị có nguyện vọng để anh Đ nuôi dưỡng cả hai con chung và đề nghị Tòa án tạm giao các con chung của anh chị cho bà V nuôi dưỡng cho đến khi anh Đ về nước. Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: chị xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - anh Nguyễn Văn Diệp: anh Đ đang lao động ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với anh Đ, đến nay Tòa án không nhận được thông tin gì của anh Đ.

Tòa án đã xác minh thu thập chứng cứ thông qua mẹ đẻ anh Đ là bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1953, địa chỉ thôn Hà Mỹ, xã Ch, huyện L. Bà V cho biết: anh Đ đi lao động tại nước ngoài, anh Đ vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình qua mạng xã hội. Bà V đã thông báo cho anh Đ biết việc chị V làm đơn ly hôn theo nội dung thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và đề nghị anh Đ cung cấp địa chỉ nhưng anh Đ không cung cấp. Về nội dung chị V làm đơn ly hôn anh Đ có ý kiến như sau: anh Đ đồng ý ly hôn với chị V và có nguyện vọng nuôi con chung là cháu Nguyễn Việt Ng, sinh ngày 13/4/2007 và Nguyễn Tuấn V, sinh ngày 15/3/2010, đề nghị Tòa án tạm giao cháu Ng và cháu V cho bà V nuôi dưỡng trong thời gian anh Đ ở nước ngoài, anh Đ không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/3/2023 bà Nguyễn Thị Vâu trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn Đ, hiện anh Đ đang lao động tại nước ngoài, anh Đ vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình. Bà là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Việt Ng, sinh ngày 13/4/2007 và Nguyễn Tuấn V, sinh ngày 15/3/2010 là con của chị V và anh Đ. Nay chị V làm đơn xin ly hôn anh Đ, bà đề nghị Tòa án giao cháu Ng và cháu V cho anh Đ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của các cháu và giao cho bà được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Ng và cháu V cho đến khi anh Đ về nước, bà không yêu cầu chị V, anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/3/2023 cháu Nguyễn Việt Ng, sinh ngày 13/4/2007 và Nguyễn Tuấn V, sinh ngày 15/3/2010 trình bày: hiện các cháu đang sống cùng với bà nội là Nguyễn Thị V tại thôn Hà Mỹ, xã Ch, huyện L. Các cháu có nguyện vọng sống cùng bố là anh Đ và đồng ý sống cùng bà V trong thời gian anh Đ ở nước ngoài.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị V, bà V có đơn xin vắng mặt, anh Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện V kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án;

Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 104; khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; Điều 37; Điều 38; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 BLTTDS. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án. Xử: cho chị Nguyễn Thị V được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ. Giao cho anh Đ nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Việt Ng, sinh ngày 13/4/2007 và Nguyễn Tuấn V, sinh ngày 15/3/2010 đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Trong thời gian anh Đ ở nước ngoài cần giao cho bà Nguyễn Thị V chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ng và cháu V. Chị V được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Chị V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: anh Nguyễn Văn Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Ch, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ công văn số: 7647/QLXNC-P5 ngày 10/4/2023 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an xác định anh Đ đã xuất cảnh ra nước ngoài lần gần nhất là ngày 11/10/2020, chưa thấy thông tin nhập cảnh về Việt Nam; không có thông tin địa chỉ nước đến, địa chỉ ở nước ngoài của anh Đ. Từ các nội dung trên, HĐXX xác định: về quan hệ pháp luật của vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS;

[2]. Về thẩm quyền: do có đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37 BLTTDS.

[3]. Về sự vắng mặt của đương sự: tại phiên tòa chị Nguyễn Thị V và bà Nguyễn Thị V vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn Đ đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228, Điều 238 BLTTDS.

[4]. Về quan hệ hôn nhân, HĐXX thấy: chị V và anh Đ kết hôn ngày 23/3/2006 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã Ch, huyện L, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã không

thể hòa hợp được, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, không cùng quan điểm sống. Năm 2020, anh Đ đi lao động tại nước ngoài, vợ chồng sống ly thân từ tháng 10 năm 2020 đến nay không còn liên lạc với nhau nữa. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị V và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị V được ly hôn anh Đ.

[5]. Về con chung: chị V và anh Đ có 02 con chung là Nguyễn Việt Ng, sinh ngày 13/4/2007 và Nguyễn Tuấn V, sinh ngày 15/3/2010 hiện đang sống cùng với bà Nguyễn Thị V. Chị V đề nghị Tòa án giao cháu Ng và cháu V cho anh Đ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và đề nghị tạm giao cho bà V nuôi dưỡng cháu Ng, cháu V trong thời gian anh Đ ở nước ngoài. Hội đồng xét xử thấy hiện nay cháu Ng và cháu V đang sống cùng với bà V, cháu Ng và cháu V có nguyện vọng được sống cùng anh Đ và bà V. Để đảm bảo điều kiện cho con chung được phát triển bình thường, tránh xáo trộn về cuộc sống cũng như học tập nên cần giao cháu Ng, cháu V cho anh Đ chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với nguyện vọng của con chung và phù hợp quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình nhưng tạm giao cho bà V chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ng, cháu V trong thời gian anh Đ ở nước ngoài cho đến khi anh Đ về nước. Về cấp dưỡng nuôi con chung: các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6]. Về tài sản chung, công nợ chung: chị V không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[7]. Về án phí: chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[8]. Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 104, khoản 2 Điều 123 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 của Bộ Luật Tố tụng dân sự. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị V được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: giao cháu Nguyễn Việt Ng, sinh ngày 13/4/2007 và Nguyễn Tuấn V, sinh ngày 15/3/2010 cho anh Nguyễn Văn Đ chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp

luật nhưng tạm giao cho bà Nguyễn Thị V chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ng và cháu V trong thời gian anh Đ ở nước ngoài cho đến khi anh Đ về nước.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000đ đã nộp tại Biên lai thu số 0000887 ngày 03/3/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị V đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo bản án: chị Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Anh Nguyễn Văn Đ hiện đang ở nước ngoài có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Chu Điện, huyện Lục Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hà Giang